

TÌM HIỂU TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ TRONG QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Võ Mai Anh¹

TÓM TẮT

Bài báo đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng với việc đưa ra được mục đích, căn cứ truy cứu trách nhiệm pháp lý và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến trách nhiệm pháp lý trong quản lý bảo vệ rừng. Bằng các phương pháp thừa kế tài liệu, tổng hợp, phân tích thống kê bài báo đã đánh giá được thực trạng vi phạm pháp luật và công tác xử lý những hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng. Đồng thời đã đưa ra được những bất cập trong quá trình xử lý hành vi vi phạm và chế tài xử lý vi phạm pháp luật, đề từ đó đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường trách nhiệm pháp lý và nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng.

Từ khóa: *Quản lý bảo vệ rừng, Trách nhiệm pháp lý.*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tài nguyên rừng, một trong những nguồn tài nguyên có khả năng tự tái tạo và có tính quyết định trong việc duy trì cân bằng sinh thái toàn cầu, đang đứng trước nguy cơ bị suy thoái nghiêm trọng cả về lượng và chất. Việt Nam trong quá trình hội nhập và phát triển cũng đang đứng trước nguy cơ khủng hoảng về môi trường sinh thái và tài nguyên thiên nhiên.

Xuất phát từ những khó khăn về đất đai và tư liệu sản xuất, tập quán canh tác và cả nhận thức, hàng năm, hàng nghìn ha rừng ở nước ta vẫn đang bị chặt phá, các sản phẩm từ rừng vẫn bị khai thác bất hợp pháp. Đáng nghiêm trọng là những vụ phá rừng tập thể nhằm chuyển đổi mục đích kinh doanh vì mục tiêu trước mắt, rồi những vụ buôn bán các sản vật từ rừng đang diễn ra với quy mô lớn. Hơn nữa do cơ chế chính sách và hệ thống pháp luật chưa đáp ứng được yêu cầu về quản lý bảo vệ rừng... đã dẫn đến những hoạt động phá rừng ở nhiều nơi mà không thể kiểm soát. Với thực tế trên, việc tìm hiểu, đánh giá thực trạng trách nhiệm pháp lý và đưa ra một số giải pháp tăng cường tính khả thi của chế tài pháp luật trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng ở nước ta hiện nay là hết sức cần thiết và có ý nghĩa vô cùng to lớn về cả lý luận và thực tiễn.

¹ThS. Trường Đại học Lâm nghiệp

II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

+ Nội Dung Nghiên cứu:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng
- Thực trạng trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng
- Đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường tính khả thi của các chế tài pháp luật trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng.

+ Phương pháp nghiên cứu:

Phương pháp kế thừa các tài liệu như các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến vấn đề bảo vệ rừng, các tài liệu thống kê và xử lý về các vụ vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng, phân tích, tổng hợp và chuyên gia.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Cơ sở lý luận về trách nhiệm pháp lý trong quản lý và bảo vệ rừng

1.1. Trách nhiệm pháp lý trong quản lý bảo vệ rừng: là phải gánh chịu hậu quả pháp lý bất lợi do hành vi vi phạm pháp luật của chủ thể gây ra trong quản lý bảo vệ rừng. Đó là sự lên án của nhà nước và xã hội đối với những chủ thể vi phạm pháp luật gây hậu quả xấu cho xã hội trong quản lý bảo vệ rừng.

- Sở dĩ nhà nước quy định trách nhiệm pháp lý đối với những chủ thể vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng vì:

+ Các quy phạm pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng đã đưa ra trước cách xử sự mang tính khuôn mẫu để cho các chủ thể pháp luật có quyền lựa chọn hoặc mang tính bắt buộc khi ở những hoàn cảnh điều kiện đã được dự liệu để xử sự phù hợp.

+ Các chủ thể pháp luật luôn hoạt động có lý trí và tự do ý chí (Chủ thể pháp luật khi tham gia quan hệ pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng nhận thức được việc mình làm và chịu trách nhiệm với chính hành vi của mình).

+ Trách nhiệm pháp lý trong quản lý bảo vệ rừng chỉ được áp dụng khi có hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng của chủ thể pháp luật và chủ thể đó phải có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện.

Vậy trách nhiệm pháp lý trong quản lý bảo vệ rừng có thể hiểu một cách đầy đủ là hậu quả bất lợi (sự trừng phạt) đối với chủ thể vi phạm pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng, thể hiện ở mối quan hệ đặc biệt giữa nhà nước với chủ thể vi phạm pháp luật, được các quy phạm do nhà nước ban hành điều chỉnh, trong đó chủ thể vi phạm pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng phải chịu những hậu quả bất lợi, những biện pháp cưỡng chế được quy định ở chế tài các quy định pháp luật.

1.2. Mục đích của việc truy cứu trách nhiệm pháp lý trong quản lý và bảo vệ rừng

+ Truy cứu trách nhiệm pháp lý, trước hết là nhằm mục đích trừng phạt đối với chủ thể vi phạm pháp luật nói chung và vi phạm pháp luật về quản lý bảo vệ rừng nói riêng. Ngoài mục đích trừng phạt thì truy cứu trách nhiệm pháp lý còn có một ý nghĩa rất lớn trong việc phòng ngừa, cải tạo và giáo dục những chủ thể vi phạm pháp luật.

+ Truy cứu trách nhiệm pháp lý trong quản

lý bảo vệ rừng còn có tác dụng răn đe tất cả những chủ thể tham gia quan hệ pháp luật quản lý bảo vệ rừng, khiến họ phải kiềm chế, giữ mình không vi phạm pháp luật, giáo dục các tổ chức và các cá nhân ý thức tôn trọng và thực hiện pháp luật.

1.3. Căn cứ pháp lý của việc truy cứu trách nhiệm pháp lý trong quản lý và bảo vệ rừng.

Căn cứ để truy cứu trách nhiệm pháp lý và các loại trách nhiệm pháp lý trong quản lý bảo vệ rừng. Căn cứ truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với tổ chức hay cá nhân nào cần phải được xác định trên cơ sở thực tiễn và cơ sở pháp lý làm căn cứ cho việc truy cứu trách nhiệm pháp lý.

+ Khi xác định cơ sở thực tiễn cần xem xét từng yếu tố của cấu thành vi phạm pháp luật như: Hành vi trái pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng gây nguy hiểm và mức độ nguy hiểm của hành vi trái pháp luật dẫn đến hậu quả về vật chất hoặc thiệt hại khác do hành vi đó gây ra, đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa hành vi vi phạm với hậu quả đó. Ngoài ra việc xác định lỗi, động cơ, mục đích vi phạm trong nhiều trường hợp khi truy cứu trách nhiệm pháp lý là rất cần thiết, nó cho phép lựa chọn được biện pháp cưỡng chế thích hợp.

Khi xác định chủ thể vi phạm pháp luật cần lưu ý tới năng lực trách nhiệm pháp lý của chủ thể và hành vi trái pháp luật có lỗi, tức là chủ thể thực hiện hành vi đó có khả năng nhận thức được những hậu quả nguy hiểm cho xã hội của mình gây ra là lỗi cố ý hay lỗi vô ý. Khi xem xét khách thể vi phạm pháp luật cần chú ý tới tính chất và tầm quan trọng của khách thể (các loại rừng bị xâm hại) để đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm pháp luật.

+ Khi xác định cơ sở pháp lý cho việc truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với trường hợp vi phạm pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng cần chú ý thẩm quyền của cơ quan hay nhà chức trách trong việc giải quyết vụ việc, trình tự, thủ tục để giải quyết vụ việc đó, các biện pháp mà

pháp luật quy định có thể áp dụng đối với chủ thể vi phạm...

+ Ngoài ra còn lưu ý tới thời hiệu truy cứu trách nhiệm pháp lý là thời gian do pháp luật quy định mà thời hạn đó kết thúc thì chủ thể vi phạm pháp luật sẽ không bị truy cứu trách nhiệm pháp lý nữa.

Tùy theo các hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng sẽ áp dụng trách nhiệm pháp lý sau: Trách nhiệm hình sự là loại trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất do tòa án áp dụng đối với những chủ thể có hành vi phạm tội; Trách nhiệm hành chính là loại trách nhiệm pháp lý do cơ quan nhà nước hay nhà chức trách có thẩm quyền áp dụng đối với các chủ thể vi phạm hành chính.

1.4. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến trách nhiệm pháp lý trong quản lý bảo vệ rừng.

Việc áp dụng trách nhiệm pháp lý trong quản lý bảo vệ rừng có vai trò quan trọng trong việc thực hiện pháp luật của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật quản lý bảo vệ rừng. Chế độ trách nhiệm pháp lý là những yếu tố tạo nên sức mạnh cưỡng chế nhà nước, đồng thời giúp cho cơ chế vận hành một cách trật tự, theo một khuôn khổ nhất định. Trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực này bao gồm trách nhiệm hình sự được quy định tại điều 175, 176, 189, 190, 191 của Bộ luật hình sự (chỉ áp dụng đối với cá nhân có hành vi cố ý vi phạm pháp luật về quản lý bảo vệ rừng). Trong Luật bảo vệ và phát triển rừng ở chương VII có quy định về giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng. Trách nhiệm hành chính áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định về quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản mà chưa tới mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trong đó bao gồm hai trách nhiệm chính là phạt cảnh cáo và phạt tiền, mức tối đa là 500.000.000 đồng. Trách nhiệm hành chính được quy định trong Pháp lệnh xử phạt vi

phạm hành chính và Nghị định số 99/2009/NĐ – CP ngày 02/11/2009 về xử lý vi phạm hành chính trong quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; Nghị định số 105/2009/NĐ – CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ngoài ra còn phải nói thêm các điều ước quốc tế mà Việt nam tham gia ký kết, ví dụ như công ước CITES (Nghị định số 82/2006/NĐ- CP). Bên cạnh đó còn có trách nhiệm kỷ luật và trách nhiệm vật chất được quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan, đó là căn cứ pháp lý quan trọng bảo đảm cho pháp luật trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng được thực thi trong thực tế.

Căn cứ để truy cứu trách nhiệm pháp lý trong quản lý bảo vệ rừng khi các chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng bị phát hiện thông qua các hoạt động sau:

- Việc thanh tra, kiểm tra được tổ chức theo kế hoạch định kỳ hàng năm hoặc thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm hoặc theo yêu cầu khiếu nại tố cáo.

- Trên cơ sở pháp luật hiện hành thanh tra, kiểm tra trong quản lý bảo vệ rừng chủ yếu thông qua các hoạt động sau: Khai thác gỗ và lâm sản; bảo vệ thực vật, động vật rừng hoang dã, quý hiếm; thực hiện các quy trình, quy phạm lâm sinh; giao cho thuê, khoán bảo vệ rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp, vận chuyển, kinh doanh, chế biến lâm sản khai thác lâm sản; thực hiện các quy định về nghiệp vụ của cơ quan nhà nước chuyên ngành; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền các cấp.

- Đối tượng chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quản lý bảo vệ rừng là tất cả các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật quản lý bảo vệ rừng, còn được gọi là các loại chủ rừng và được quy định ở Điều 5 của Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004, bao gồm:

+ Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý rừng đặc dụng được Nhà nước giao rừng, giao đất để phát triển rừng.

+ Tổ chức kinh tế được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng, giao đất, cho thuê đất để phát triển rừng hoặc công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng, nhận chuyển quyền sử dụng rừng, nhận chuyển quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng.

+ Hộ gia đình, cá nhân trong nước được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng, giao đất, cho thuê đất để phát triển rừng hoặc công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng, nhận chuyển quyền sử dụng rừng, nhận chuyển quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng.

+ Đơn vị vũ trang nhân dân được Nhà nước giao rừng, giao đất để phát triển rừng.

+ Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đào tạo, dạy nghề về lâm nghiệp được Nhà nước giao rừng, giao đất để phát triển rừng.

+ Người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư tại Việt Nam được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng, giao đất, cho thuê đất để phát triển rừng.

+ Tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư tại Việt Nam được Nhà nước cho thuê rừng, cho thuê đất để phát triển rừng.

2. Thực trạng của áp dụng trách nhiệm pháp lý trong quản lý bảo vệ rừng ở Việt Nam hiện nay

2.1. Thực trạng vi phạm pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng.

Sáu tháng đầu năm 2009, cả nước đã phát hiện 20.286 vụ vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý bảo vệ rừng, giảm 5% so với cùng kỳ năm 2008. Trong đó: hành vi vận chuyển lâm sản trái pháp luật nhiều nhất với 10.027 vụ, 49,5%; tiếp đến là khai thác lâm sản

và phá rừng trái pháp luật 4.841 vụ, 23,9%; vi phạm các quy định về chế biến gỗ, lâm sản 1.063 vụ, 5,2%; vi phạm các quy định về quản lý động vật rừng 533 vụ, 2,63%; hành vi vi phạm các quy định về PCCCR 334 vụ, 1,65%. [1]

Còn tính từ đầu năm đến tháng 11 năm 2009 đã xảy ra 37.951 vụ vi phạm pháp luật bảo vệ và phát triển rừng, trong đó hành vi phá rừng có 4.356 vụ; hành vi phá rừng làm nương rẫy 3.260; hành vi khai thác lâm sản 4.120 vụ; hành vi vi phạm quy định phòng cháy, chữa cháy 427 vụ; hành vi cháy rừng 314; thủ phạm gây cháy rừng 28; hành vi vi phạm về sử dụng đất lâm nghiệp 71; hành vi vi phạm về quản lý bảo vệ động vật hoang dã 1.148 vụ; hành vi mua bán, vận chuyển lâm sản 19.770; hành vi vi phạm về chế biến lâm sản 1.927 vụ; hành vi vi phạm khác 613 [6].

Những tháng đầu năm 2010, toàn quốc đã xử lý 16.672 vụ vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, giảm 3% so với năm trước. trong đó, hành vi phá rừng và khai thác lâm sản trái pháp luật 4.012 vụ, giảm 23%; hành vi vi phạm các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng 302 vụ tăng 11%; hành vi vi phạm các quy định về mua bán, vận chuyển lâm sản 7.966 vụ tăng 1%; hành vi vi phạm các quy định về chế biến lâm sản 958 vụ, tăng 20%; hành vi vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã là 428 vụ tăng 5%.

Qua thống kê của cục Kiểm lâm sáu tháng đầu năm 2011 cả nước có 29.551 vụ vi phạm pháp luật bảo vệ và phát triển rừng (giảm so với cùng kỳ năm 2010), trong đó xảy ra 3.473 vụ phá rừng trái phép; 1.980 vi phạm làm nương rẫy; 2.675 vụ vi phạm khai thác lâm sản; 293 vụ vi phạm về phòng cháy chữa cháy; 241 vụ cháy rừng; 7 vụ thủ phạm gây cháy; 74 vụ vi phạm về sử dụng đất lâm nghiệp; 1.019 vụ vi phạm về quản lý bảo vệ động vật hoang dã; 14.772 vụ mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép; 748 vụ vi phạm về chế biến lâm sản và 6.497 vụ vi phạm khác. [6]

Tổng kết sáu tháng đầu năm 2012 của Cục Kiểm Lâm cả nước có 19.619 vụ vi phạm pháp luật bảo vệ và phát triển rừng, trong đó xảy ra 2.650 vụ phá rừng trái phép; 1.369 vi phạm làm nương rẫy; 1.682 vụ vi phạm khai thác lâm sản; 452 vụ vi phạm về phòng cháy chữa cháy; 371 vụ cháy rừng; 22 vụ thủ phạm gây cháy; 50 vụ vi phạm về sử dụng đất lâm nghiệp; 553 vụ vi phạm về quản lý bảo vệ động vật hoang dã; 9.606 vụ mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép; 613 vụ vi phạm về chế biến lâm sản và 4.013 vụ vi phạm khác. [6]

2.2. Thực trạng công tác xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý và bảo vệ rừng.

Các hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ rừng được tiến hành thường xuyên, liên tục, đồng bộ giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trung ương đến cơ sở, từ đó đã phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật để có biện pháp ngăn chặn và xử lý theo đúng các quy định của pháp luật và hạn chế hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng.

Theo số liệu thống kê của Quảng Nam chỉ trong vòng 11 tháng 2009 lực lượng kiểm lâm lên quan đã phát hiện và xử lý 1.790 vụ vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng (tiến hành khởi tố hình sự 21 nghiêm trọng), còn ở Gia lai có 288 vụ phá rừng nhưng đáng lưu ý là chỉ tập trung vào rừng tự nhiên. Ở Bình Định trong 8 tháng năm 2011 có 246 vụ trong đó các cơ quan chức năng xử lý 2 vụ hình sự.

Tổng số vụ đã xử lý là 16.290, trong đó xử phạt vi phạm hành chính 16.115 vụ; xử lý hình sự 175 vụ (đã đưa ra xét xử 13 vụ với 9 bị can). Tịch thu 8.730 phương tiện các loại, trong đó có 167 ô tô, máy kéo; 1.022 xe máy; 17 ghe, thuyền; 24.312m³ gỗ các loại (gồm 10.999m³ gỗ tròn và 13.313m³ gỗ xẻ); 7.467 cá thể và 19.121kg động vật hoang dã; thu ngân sách nhà nước 97.081 triệu đồng. [1]

Còn trong cả nước những tháng đầu năm 2010 tổng số vụ xử lý 12.996 vụ, bao gồm: Xử

phạt vi phạm hành chính 12.867 vụ, khởi tố hình sự 129 vụ. Tịch thu 6.615 phương tiện các loại (137 ô tô, máy kéo; 741 xe máy; 13 ghe thuyền; 79 xe trâu kéo và 5.646 phương tiện khác) tăng 55% so với cùng kỳ năm trước; thu nộp ngân sách 69,612 tỷ đồng.

Nhìn chung, tình hình vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý bảo vệ rừng trong 5 năm (2004 - 2008) và 6 tháng đầu năm 2009 diễn biến theo chiều hướng giảm, thể hiện trên cả ba mặt: số vụ vi phạm; thiệt hại tài nguyên rừng; diện tích rừng tăng bình quân mỗi năm 162.382,8ha, độ che phủ của rừng tăng từ 36,7% lên 38,7%. Mặc dù đã có những tiến bộ, song tình hình vi phạm các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng, quản lý lâm sản, tình trạng chống người thi hành công vụ còn diễn ra ở nhiều địa phương, gây hậu quả nghiêm trọng; chưa tạo được sự chuyển biến căn bản về chấp hành kỷ cương pháp luật, gây bức xúc trong xã hội. [1]

2.3. Những bất cập trong xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý và bảo vệ rừng

- Pháp luật quy định cho ngành kiểm lâm quyền hạn rất lớn, nhưng có trói buộc về thẩm quyền. Trong điều tra các vụ hình sự trong quản lý bảo vệ rừng có một số bất cập như thời hạn điều tra ngắn trong các vụ án xảy ra ở vùng sâu vùng xa, vùng rừng có diện tích lớn, địa bàn dân trải; khi kiểm lâm bắt giữ người phạm tội thì không có hệ thống tạm giữ, cán bộ kiểm lâm không có quyền hỏi cung; lực lượng kiểm lâm quá mỏng so với diện tích rừng cần được bảo vệ. Theo đề án quản lý bảo vệ rừng giai đoạn 2010 – 2015 thì: tổng số lao động của lực lượng kiểm lâm toàn quốc là: 11.246 người, trong đó có 10.059 người trong biên chế, trong đó ở Trung ương có 53 công chức, 883 viên chức; ở 63 Chi cục Kiểm lâm có 9.123 công chức và 1.187 hợp đồng lao động. Tuy nhiên, nếu chỉ tính 1.000ha rừng có 01 biên chế Kiểm lâm (công chức) thì đến nay cả nước còn thiếu 4.077 biên chế và trong những năm tiếp theo khi diện tích

rừng tăng lên theo Nghị quyết Quốc hội (năm 2015 diện tích rừng đạt 14,3 triệu ha) thì biên chế Kiểm lâm sẽ phải bổ sung thêm 1.100 biên chế và tổng biên chế cần có đến 2015 là 14.300 biên chế Kiểm lâm (bổ sung thêm 5.177 biên chế).

Thời gian gần đây tình trạng chống người thi hành công vụ diễn ra ngày càng gay gắt, gây hậu quả rất nghiêm trọng đối với nhà nước, công dân và ảnh hưởng đến xã hội. Nhiều vụ chống người thi hành công vụ, hành vi trắng trợn và côn đồ, như: đập phá phương tiện, đâm xe vào lực lượng kiểm tra, đe dọa xâm hại tính mạng, sức khỏe, tài sản của người thi hành công vụ và thân nhân họ.... Phương tiện sử dụng chống người thi hành công vụ rất đa dạng, nghiêm trọng hơn, gần đây một số đối tượng đã sử dụng cả vũ khí (súng kíp), dùng kim tiêm có máu nhiễm HIV... để tấn công. Đối tượng trực tiếp thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ chủ yếu là người dân bị đầu nậu kích động, mua chuộc.

Từ 2005- 2009 đã xảy ra hàng nghìn vụ chống người thi hành công vụ, trong đó có 167 vụ nghiêm trọng, làm chết 8 người và gây thương tích cho 100 người. Trong 6 tháng đầu năm 2010 đã xảy ra 21 vụ chống người thi hành công vụ gây hậu quả nghiêm trọng, làm chết 01 người và gây thương tích cho 12 người; tăng 4 vụ so với cùng kỳ năm 2009.

Tuy nhiên, việc xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng thông qua các hình thức trách nhiệm pháp lý được quy định trong pháp luật bảo vệ và phát triển rừng còn bộc lộ nhiều bất cập như thẩm quyền xử phạt, hình thức xử phạt, chế tài xử phạt...

- Hoạt động rà soát các văn bản pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng ở các cấp, các ngành còn chồng chéo, việc phát hiện các nhu cầu mới cần điều chỉnh trong quản lý bảo vệ rừng và nhu cầu kiện toàn hệ thống pháp luật chưa chú trọng đúng mức.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật

nói chung và pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng nói riêng còn yếu kém.

- Cán bộ công chức còn thiếu về số lượng, yếu về chất, trình độ nghiệp vụ không đồng đều và việc bố trí bất hợp lý cán bộ kiểm lâm địa bàn.

- Quy định pháp luật chưa rõ ràng, xử lý vi phạm pháp luật chưa nghiêm minh.

- Chưa chú trọng các chương trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật trong quản lý và bảo vệ rừng.

Tập trung cao độ cho công tác quản lý và bảo vệ rừng, tuy nhiên việc bắt cập trong bố trí cán bộ Kiểm lâm, phụ trách địa bàn, phương tiện cũ kỹ và thiếu thốn, chế tài xử lý chưa đủ sức răn đe, cho nên chưa thực sự tạo những chuyển biến rõ nét.

3. Giải pháp

- Tổ chức thực hiện và áp dụng đúng các trách nhiệm pháp lý trong quản lý bảo vệ rừng và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ rừng.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức, đặc biệt là cán bộ kiểm lâm cả về số lượng lẫn cả về chất lượng, đồng thời trao quyền chủ động hơn nữa cho kiểm lâm trong việc xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng.

- Đưa việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục về pháp luật quản lý bảo vệ rừng vào chương trình đào tạo.

- Thường xuyên thực hiện hoạt động rà soát các văn bản pháp luật trong bảo vệ rừng ở các cấp, các ngành để tránh sự chồng chéo trong việc thực hiện.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ rừng.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc xây dựng, ban hành và thực hiện pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng

IV. KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu trên, tác giả đưa ra một số kết luận sau:

+ Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng nói riêng để người dân nhận thức được vai trò quan trọng của rừng đối với đời sống và việc bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chính mình.

+ Bên cạnh đó cần phải xây dựng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ kiểm lâm, đồng thời ban hành một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.

+ Vì vậy việc nâng cao vai trò của trách nhiệm pháp lý trong quản lý bảo vệ rừng là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. Nó không chỉ là nhân tố góp phần hạn chế hành vi vi phạm pháp luật

trong quản lý bảo vệ rừng, mà còn góp phần tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường sống và mở cơ hội cho giao lưu, hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2009), *Báo cáo số 2387/BC-BNN-KL ngày 11/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn*, Hà Nội
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2001), *Chiến lược phát triển Lâm nghiệp giai đoạn 2001-2010*, Hà Nội.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2004), *Những sửa đổi cơ bản của Luật Bảo vệ và Phát triển rừng*, Hà Nội.
4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2005), *Chương trình hành động bảo vệ rừng đến năm 2010*, Hà Nội.
5. Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật (2005), đại học Luật Hà Nội (2005), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, trang 485.
6. www.kiemlam.org.vn

UNDERSTANDING OF LEGAL RESPONSIBILITY IN FOREST PROTECTION AND MANAGEMENT IN VIETNAM

Võ Mai Anh

SUMMARY

The article has systematized theoretical bases for liability (legal responsibility) in forest management and protection with the introduction of the purposes and the basis of legal prosecution and other legal documents related to liability in forest management and protection. By methods of inherited materials, synthesizing, and statistical analysis, the article assessed the situation of the law violation, and the handling of the violation of law in the forest management and protection. Besides, the article has addressed the inadequacies in processing violations and sanctions of the law violations, from what solutions to enhance liability and to improve the legal regulations in forest management and protection. This paper emphasizes that the legal responsibility is very important and necessary in forest protection and management.

Keywords: *Forest management and protection, Liability.*

Người phản biện: PGS.TS. Bế Minh Châu